

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Thanh.

I. Thành phần gồm có :

1. Ông Trần Duy Việt - Chủ tịch UBND xã;
2. Ông Đặng Văn Hiệp - PCT UBND xã, Chủ tịch Công đoàn cơ sở xã;
3. Bà Đặng Thị Hồng Thúy - Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã;
4. Bà Mai Đỗ Thùy Ni - Công chức Văn phòng - Thống kê xã.

II. Nội dung: Niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023

Sau khi Văn phòng - Thống kê xã thụ lý việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 của các ông(bà) có tên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ, chức danh
1	Trần Duy Khánh	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã
2	Nguyễn Mậu Hòa	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy xã
3	Trần Duy Việt	Chủ tịch UBND xã
4	Trần Duy Minh	Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã
5	Nguyễn Đắc Mùi	Phó Chủ tịch UBND xã
6	Nguyễn Ích Anh	Phó Chủ tịch HĐND xã
7	Đặng Văn Hiệp	Phó Chủ tịch UBND xã
8	Trần Duy Dũng	Chủ tịch Hội CCB xã
9	Trần Duy Tiểu	Chủ tịch Hội Nông dân xã
10	Đặng Thị Hồng Diệp	Chủ tịch Hội LHPN xã
11	Phùng Hữu Chính	Bí thư Đoàn TNCS HCM xã
12	Chế Quang Tám	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự
13	Mai Đỗ Thùy Ni	Văn phòng - Thống kê
14	Ngô Thị Thùy Dung	Văn phòng - Thống kê
15	Trần Thị Minh Thắm	Tài chính - Kế toán
16	Lê Thị Thu Hà	Tài chính - Kế toán
17	Đặng Thị Hồng Thúy	Tư pháp - Hộ tịch
18	Nguyễn Quang Tân	Tư pháp - Hộ tịch
19	Ngô Quang Rin	ĐC-NN-XD&MT

20	Tổng Văn Lộc	ĐC-NN-XD&MT
21	Nguyễn Thị Nhung	Văn hóa - Xã hội
22	Nguyễn Quang Được	Văn hóa - Xã hội

UBND xã tiến hành niêm yết nội dung việc công khai ban kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 tại UBND xã Thủy Thành từ ngày 11 tháng 01 năm 2024 đến ngày 26 tháng 01 năm 2024.

Nay, chúng tôi lập Biên bản này để niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Thủy Thành.

Biên bản lập xong lúc 14 giờ 45 phút cùng ngày. Đã đọc lại cho các bên tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Duy Việt

**TM. CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
CHỦ TỊCH**



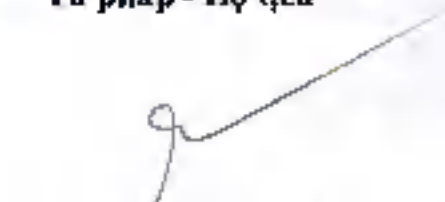
Đặng Văn Hiệp

Văn phòng - Thông kê



Mai Đỗ Thủy Ni

Tư pháp - Hộ tịch



Đặng Thị Hồng Thúy

Thủy Thanh, ngày 10 tháng 01 năm 2023

DANH SÁCH

Cán bộ, công chức rà kê khai tài sản, thu nhập năm 2023

(Thực hiện theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm sát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Đny Khánh	02/02/1978	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND	
2	Nguyễn Mậu Hòa	25/10/1981	PBT thường trực Đảng ủy	
3	Trần Duy Việt	15/9/1977	PBT Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã	
4	Trần Duy Minh	10/11/1965	Chủ tịch UBND TTQVN xã	
5	Nguyễn Ích Ánh	21/4/1980	Phó Chủ tịch HĐND	
6	Nguyễn Đắc Mùi	01/12/1979	Phó Chủ tịch UBND	
7	Đặng Văn Hiệp	24/11/1981	Phó Chủ tịch UBND	
8	Trần Duy Tiến	24/4/1982	Chủ tịch Hội Nông dân	
9	Trần Duy Dũng	14/7/1966	Chủ tịch Hội CCB	
10	Đặng Thị Hồng Diệp	25/5/1985	Chủ tịch Hội LHPN	
11	Phùng Hữu Chính	20/11/1995	Bí thư Đoàn Thanh niên	
12	Chế Quang Tâm	01/04/1985	Chỉ huy trưởng Quân sự	
13	Mai Đỗ Thùy Ni	01/12/1979	Văn phòng - thống kê	
14	Ngô Thị Thùy Dung	20/4/1988	Văn phòng - thống kê	
15	Trần Thị Minh Thắm	24/7/1982	Tài chính - kế toán	
16	Lê Thị Thụ Hà	09/12/1976	Tài chính - kế toán	
17	Ngô Quang Rin	15/5/1984	ĐC-NN-XD&MT	
18	Tổng Văn Lộc	18/01/1995	ĐC-NN-XD&MT	
19	Đặng Thị Hồng Thủy	15/01/1984	Tư pháp - hộ tịch	
20	Nguyễn Quang Tân	23/3/1997	Tư pháp - hộ tịch	

21	Nguyễn Quang Đức	12/01/1993	Văn hoá - xã hội	
22	Nguyễn Thị Nhung	10/12/1973	Văn hóa - Xã hội	

Tổng số người trong danh sách: 22 người.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Mai Đỗ Thùy Ni

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Duy Việt

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 05 tháng 12 năm 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN DUY KHÁNH. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1978

- Chức vụ/chức danh công tác: Bí thư Đảng ủy - CT HĐND xã.

- Cơ quan/đơn vị công tác: xã Thủy Thanh

- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046078004929 ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp CA tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: VẦN THỊ NGỌC DUNG. Ngày tháng năm sinh: 1988

- Nghề nghiệp: văn thư

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Thủy Thanh

- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046188006974 ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp CA tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: TRẦN DUY ANH KHANG. Ngày tháng năm sinh: 2012

- Học sinh trường THCS Chu Văn An.

- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: TRẦN DUY ANH KHOA. Ngày tháng năm sinh: 2015

- Học sinh trường TH Thanh Toàn.

- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:



1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh.
- Diện tích⁽⁹⁾: 250 m². Thừa đất số 836, tờ bản đồ số 9.
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 4 tỷ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Do Trần Duy Khánh- Văn Thị Ngọc Dung đứng tên.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất. Không có

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: đất ở nông thôn. Địa chỉ: Khu dân cư Vân Thê Trung.
- Diện tích: 179,9m². Thừa số 735, tờ bản đồ số 5.
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1,2 tỷ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ĐG616185 do Trần Duy Khánh- Văn Thị Ngọc Dung đứng tên.

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Loại đất: đất ở nông thôn. Địa chỉ: Khu dân cư Vân Thê Trung.
- Diện tích: 276,8 m². Thừa số 735, tờ bản đồ số 5.
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2,1 tỷ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ĐG616187 do Trần Duy Khánh- Văn Thị Ngọc Dung đứng tên.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: trệt, kiên cố
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500 triệu
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: chưa đăng ký tài sản vào GCNQSDĐ.
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất. Không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:




2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:




6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: K. Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản: K. Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾,9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 3,490 tỷ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 3,430 tỷ.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60 triệu.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất	2 thửa	3,3 tỷ	Đầu giá QSD Đất




<p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p>		3.490 triệu	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lương - Vay ngân hàng
---	--	-------------	---

..... ngày... 30... tháng 12... năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI



Mạc Đỗ Thủy Nhi

(Văn phòng - Thống kê)

Thủy Thanh, ngày 5 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Trần Duy Khánh

BẢN KẾ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2023

Ngày 30/11/2023

1. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN MẬU HÒA Năm sinh: 1981

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó bí thư thường trực Đảng ủy xã Thủy Thanh

- Cơ quan/đơn vị công tác: Đảng ủy xã Thủy Thanh

- Hộ khẩu thường trú: Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Chỗ ở hiện tại: Thôn Văn Thê Đập, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân : 191424607 ; ngày cấp 26/02/2012 ; nơi cấp : Công an tỉnh Thừa Thiên Huế

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY VÂN Năm sinh: 1981

- Chức vụ/chức danh công tác: Nhân viên Kế toán

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Thủy Thanh I

- Hộ khẩu thường trú: Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Chỗ ở hiện tại: Văn Thê Đập, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân : 191456964 ; ngày cấp 25/02/2012 ; nơi cấp : Công an tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG CUNG MỊ

- Ngày, tháng, năm sinh: 11/12/2007

- Hộ khẩu thường trú: Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Chỗ ở hiện tại: Thôn Văn Thê Đập, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

a) Con thứ hai:

- Họ và tên: NGUYỄN TRÍ HÀO

- Ngày, tháng, năm sinh: 17/5/2011

- Hộ khẩu thường trú: Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Chỗ ở hiện tại: Văn Thê Đập, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÌNH HÌNH THU NHẬP VÀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng đất thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

+ Địa chỉ: (khu Văn Thê Đập, xã Thủy Thanh

+ Diện tích: 502m²

+ Giá trị: 5.500.000.000 đồng.....

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thủy Vân

+ Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thửa thứ hai:

+ Địa chỉ: 06 Trần Văn Ôn, phường Xuân Phú- thành phố Huế

+ Diện tích: 142.0m².....

+ Giá trị: 7.900.000.000 đồng.....

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thủy Vân

+ Thông tin khác (nếu có):

1.1.3. Thửa thứ 3:

+ Địa chỉ: thôn Văn Thê Thượng, xã Thủy Thanh

+ Diện tích: 219.85m².....

+ Giá trị: 660.000.000 đồng.....

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Mậu Sơn

+ Thông tin khác (nếu có):

1.1.4. Thửa thứ 4:

+ Địa chỉ: Tổ dân phố Văn Dương- phường Thủy Vân, thành phố Huế

+ Diện tích: 184.0m².....

+ Giá trị: 7.000.000.000 đồng.....

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Thị Thủy Vân ;

+ Thông tin khác (nếu có):

1.1.5. Thửa thứ 5:

+ Địa chỉ: kiệt 171, phường Xuân Phú, Thành phố Huế

+ Diện tích: 138.0m².....

+ Giá trị: 2.800.000.000 đồng.....

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thủy Vân

1.1.6 Thửa thứ 6:

+ Địa chỉ: Kiệt 2 thôn Văn Dương, phường Thủy Vân, Thành phố Huế

- + Diện tích: 122,6m².....
- + Giá trị: 2.800.000.000 đồng.....
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thùy Vân ;

1.1.7 Thửa thứ 7:

- + Địa chỉ: Đường Dương Khuê, phường Xuân Phú, Thành phố Huế
- + Diện tích: 121,0m².....
- + Giá trị: 3.000.000.000 đồng.....
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thùy Vân ;

1.1.8 Thửa thứ 8:

- + Địa chỉ: 12/8 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, Thành phố Huế
- + Diện tích: 47,0m².....
- + Giá trị: 2.500.000.000 đồng.....
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thùy Vân ;

1.1.9 Thửa thứ 9:

- + Địa chỉ: Thị trấn Nam Bàn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
- + Diện tích: 1424,0m².....
- + Giá trị: 3.800.000.000 đồng.....
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Mậu Hòa ;
- + Thông tin khác (nếu có):

b) Các loại đất khác:

- Mảnh thứ nhất:
- + Địa chỉ:
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- + Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- + Địa chỉ : thôn Văn Thê Đẹp, xã Thủy Thanh
- + Loại nhà: Bê tông, cốt thép Cấp công trình: cấp 4
- + Diện tích xây dựng: 140m²
- + Giá trị: 640.000.000đ
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thùy Vân ;

Nguyễn Mậu Hòa

Nguyễn Thị Thùy Vân

+ Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ hai:

+ Địa chỉ: 12/81 Nguyễn Huệ - phường Phú Nhuận- thành phố Hồ

+ Loại nhà: Bê tông, cốt thép Cấp công trình: cấp 3

+ Diện tích sử dụng: 130.0m²

+ Giá trị: 1.000.000.000đ

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Nguyễn Mậu Hòa- Nguyễn Thị Thùy Vân

3. Tài sản khác gắn liền với đất :

4. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Kim loại quý : 350.000.000 đồng

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (Khai theo từng loại).

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm :

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, trần thủy, thuyền, máy ùi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).

- Tên tài sản : Xe gắn máy SH MODE ; Số đăng ký : 75G1 35.350 ; Giá trị: 75.000.000 đồng.

- Tên Tài sản : Xe ô tô Peugeot 008 ; số đăng ký : 75H 260.33 ; Giá trị 1,3 tỷ đồng

7.2 Tài sản khác(đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)

- Tên tài sản : Cây mai vàng Huế. Năm bắt đầu sở hữu : 2017 ; giá trị : 100.000.000 đồng

Cây mai vàng Huế. Năm bắt đầu sở hữu : 2012 ; giá trị : 50.000.000 đồng

8. Tài sản ở nước ngoài

9. Tài khoản ở nước ngoài :

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 140.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ: 72.000.000 đồng

- Tổng các khoản thu nhập chung: 7.812.000.000 đồng

II. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP

Loại tài sản, thu nhập, tăng thêm	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất- nhà ở :			

Nguyễn Mậu Hòa

Nguyễn Thị Thùy Vân

Quyền sử dụng đất: Đất ở	01	+3.600.000.000	Mua từ tiền NH BIDV, AGRIBANK, vay người thân
Tiền tệ		+4.000.000.000	Vay Ngân hàng BIDV, vay người thân
2. Thu nhập giữa hai lần kê khai:		+7.600.000.000	Vay Ngân hàng và vay người thân

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày nhận Bàn kê khai tài sản, thu nhập

..... ngày 30 tháng năm 2023

Người nhận Bàn kê khai



Mạc Đỗ Thủy Nhi
(Vấn phòng - Thống kê)

Ngày hoàn thành Bàn kê khai tài sản, thu nhập

Thị Thanh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Người kê khai tài sản



Nguyễn Mạnh Hòa

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 30 tháng 11 năm 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Duy Việt; Ngày, tháng, năm sinh: 15/9/1977
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: Đảng ủy - UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046077006817; ngày cấp: 10/05/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đặng Thị Thanh Hải; ngày, tháng, năm sinh: 10/3/1979
- Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Anh
- Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Sợi Phú Anh
- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046179005649; ngày cấp: 02/01/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trần Duy Thắng; Ngày tháng năm sinh: 03/9/2007
- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Trần Nhã An; Ngày tháng năm sinh: 11/9/2005
- Nơi thường trú: thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Khu dân cư Cụm 6, xã Thủy Thanh





- Diện tích⁽⁹⁾: 220 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 50.600.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số BH 734086; Chủ sở hữu: Trần Duy Việt - Đặng Thị Thanh Hải
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Khu dân cư Cụm 6, xã Thủy Thanh
- Diện tích⁽⁹⁾: 269,0 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 174.850.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số BH 734085; Chủ sở hữu: Trần Duy Việt - Đặng Thị Thanh Hải
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Khu Quy hoạch Khu dân cư Cụm 6, xã Thủy Thanh
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 3
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 220m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.200.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Trần Duy Việt - Đặng Thị Thanh Hải
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:.....
- Loại công trình:..... Cấp công trình:.....

Việt

Hải

- Diện tích:.....
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:.....

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

Law

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe ô tô Vinfast; Số đăng ký: 20583; Giá trị: 1.600.000.000 đồng

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hạn kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 150.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 1.900.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các			

 2h

kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu

6.2. Trái phiếu

6.3. Vốn góp

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).


8. Tài sản ở nước ngoài.

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.

Thị Thanh, ngày 21 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Ma Do Thuy Nien
(Văn phòng - Thống kê)

Thị Thanh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Duy Việt

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 30 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN DUY MINH - Ngày tháng năm sinh: 10 tháng 11 năm 1965
- Chức vụ/chức danh công tác: Ủy viên BTV đảng ủy, Chủ tịch UBMT xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046065000479 ngày cấp: 21/2/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thị Kim Cúc Ngày tháng năm sinh: 01/01/1969
- Nghề nghiệp: Nội trợ.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Hiện đang ở nhà.
- Nơi thường trú: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046169007741, ngày cấp: 10/5/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trần Thị Tường Vy, Ngày tháng năm sinh: 28/02/1999
- Nơi thường trú: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Số căn cước công dân: 046199011827 ngày cấp: 10/5/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Tốt nghiệp Đại học Su Phạm ngoại ngữ Tiếng Anh năm 2023; Hiện chưa có việc làm.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: Một thửa

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Diện tích⁽⁹⁾: 427 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2.500.000.000 đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: BT 221590. Người đứng tên: Trần Duy Minh

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất. Không có

- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Đất sản xuất nông nghiệp.
- 1.2.1. Thửa thứ nhất:
- Loại đất: Đất trồng lúa, Địa chỉ: Bồn Đào, Lang Xá Bàu.
 - Diện tích: 2.472 m²
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: 81.576.000 đồng.
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: AE 562485, Người đứng tên: Trần Duy Minh.
 - Thông tin khác (nếu có): Không
- 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.
2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở: Một nhà
- 2.1.1. Nhà thứ nhất:
- Địa chỉ: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên – Huế
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà trệt, cấp bốn.
 - Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 96m²
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: 150.000.000 đồng
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Gắn liền với thửa đất ở BF 221590.
 - Thông tin khác (nếu có): Không
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất. Không có.
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có.
- 2.2.1. Công trình thứ nhất:
- Tên công trình:..... Địa chỉ:
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như công trình thứ nhất.
3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:
- Loại cây: Mai vàng Huế, Số lượng: 115 cây, Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000 đồng
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

zh *Wang*

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe SH 125I Số đăng ký: 0000720 Giá trị: 45 000 000 đồng.

- Tên tài sản: Xe Air Blade Số đăng ký: 000720 Giá trị: 25 000 000 đồng.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Không có. Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 126.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 116.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ: 10.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA

TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			

Handwritten signature and initials

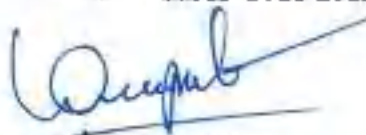
<p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>	<p>126.000.000</p>	<p>15.000.000</p>	<p>Giảm do vợ đã hết nhận tiền bảo hiểm thất nghiệp.</p>
--	--------------------	-------------------	--

.... ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mạc Đỗ Thủy Nhi
 (Văn phòng - Thống kê)

Thịy Thanh, ngày 10 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN


 Trần Duy Minh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Đắc Mũi; Ngày, tháng, năm sinh: 01/12/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: UVTV- Phó Chủ tịch UBND xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: thôn Vân Thê Thượng, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046079012818; ngày cấp: 10/5/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Thủy; ngày, tháng, năm sinh: 30/3/1987.
- Nghề nghiệp: Phó Hiệu trưởng
- Nơi làm việc: trường Mầm non Thủy Thanh 1
- Nơi thường trú: thôn Vân Thê Thượng, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 052187008324; ngày cấp: 10/5/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Quý Bảo; Ngày tháng năm sinh: 17/01/2013
- Nơi thường trú: thôn Vân Thê Thượng, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Con thứ hai (trò lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Nguyễn Đắc Khánh Toán; Ngày tháng năm sinh: 29/3/2015
- Nơi thường trú: thôn Vân Thê Thượng, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁶⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Khu hạ tầng kỹ thuật dân cư thôn Văn Thê Trung (Lô đất: 740).
- Diện tích⁽⁹⁾: 143,5m²; Tờ bản đồ số 4; Thửa đất số 740 (do ông Nguyễn Đắc Mùi và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy đứng tên).
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.055.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: ĐM 232214
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Trúng đấu giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu hạ tầng kỹ thuật dân cư thôn Văn Thê Trung.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:.....

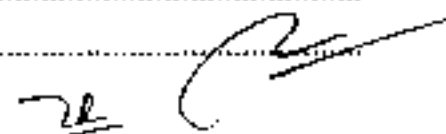
- Địa chỉ:.....
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:.....
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:.....
- Loại công trình:..... Cấp công trình:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....



Handwritten marks at the top of the page.

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁰⁾

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

- Tên giấy tờ có giá:

Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:

Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²¹⁾

- Hình thức góp vốn:

Giá trị:

- Hình thức góp vốn:

Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾

- Tên tài phiếu:

Số lượng:

Giá trị:

- Tên tài phiếu:

Số lượng:

Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên có phiếu:

Số lượng:

Giá trị:

- Tên có phiếu:

Số lượng:

Giá trị:

6.1. Có phiếu:

6. Có phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai báo từng loại):

50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾

- Tên gọi:

Số lượng:

Giá trị⁽¹⁰⁾

- Tên gọi:

Số lượng:

Giá trị⁽¹⁰⁾

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Loại rừng:

- Loại rừng:

Giá trị⁽¹⁰⁾

Giá trị⁽¹⁰⁾

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾

- Loại cây:

Số lượng:

Giá trị⁽¹⁰⁾

- Loại cây:

Số lượng:

Giá trị⁽¹⁰⁾

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai trong tư như công trình thứ nhất.

- Thông tin khai (nếu có):

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾:

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 220.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 127.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 93.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở	01 lô đất (143,5m ²)	1,055 tỷ đồng	Trình đấu giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu hạ tầng kỹ thuật dân cư thôn Văn Thê Trưng
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

<p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu hay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁾.</p>		220.000.000 đồng	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp
--	--	------------------	--

Thịy Thanh, ngày 21 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Hài Đức Thủy Ni
(Văn phòng - Thống kê)

Thịy Thanh, ngày 01 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Nguyễn Đức Mùi

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 05 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN ÍCH ANH. Ngày tháng năm sinh: 21 / 4 / 1980
- Chức vụ/chức danh công tác: Đảng ủy viên, Phó chủ tịch HĐND xã.
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Nam, xã Thủy Thanh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046080012693; ngày cấp: 15 / 8 / 2021; nơi cấp: Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TẠO. Ngày tháng năm sinh: 01 / 01 / 1978
- Nghề nghiệp: Buôn bán
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: thôn Mỹ Lam, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang.
- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Nam, xã Thủy Thanh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046178011796; ngày cấp: 15 / 8 / 2021; nơi cấp: Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Ích Bình An. Ngày tháng năm sinh: 24 / 3 / 2012
- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Nam, xã Thủy Thanh.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Vân Thê Nam, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Diện tích⁽⁹⁾: 160m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 15.000.000đ.



- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Thửa đất số 200-6; tờ bản đồ số: 3. Đã được cấp giấy CNQSD đất số: AE 591767. Ngày cấp 15/01/2007. Chủ sở hữu: Nguyễn Ích Anh và Nguyễn Thị Tọ.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Văn Thế Nam, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: nhà cấp 4, tự xây.

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 100m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 80.000.000đ.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: chưa được cấp giấy chứng nhận sở hữu.

- Thông tin khác (nếu có): nhà được xây dựng vào năm 2010; người sử dụng: Nguyễn Ích Anh – Nguyễn Thị Tọ.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:


- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không.

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:



7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾,

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 120.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không.

- Tổng các khoản thu nhập chung: không.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước,			

Th *kh*

<p>liên gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
		180.000.000đ	Thu nhập từ lương, phụ cấp và buôn bán

..... ngày 11 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mạc Đỗ Thủy Nhi

..... ngày 05 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ich Ảnh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 30 tháng 11 năm 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đặng Văn Hiệp; Ngày, tháng, năm sinh: 24/11/1981
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Chủ tịch UBND xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046081004191; ngày cấp: 10/5/2021; nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhung; ngày, tháng, năm sinh: 20/8/1982.
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc: trường Mầm non Thủy Thanh 2
- Nơi thường trú: thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046182009355; ngày cấp: 02/7/2021; nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Đặng Văn Trung Hiếu; Ngày tháng năm sinh: 24/05/2009
- Nơi thường trú: thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Đặng Văn Trung Nghĩa; Ngày tháng năm sinh: 05/10/2013
- Nơi thường trú: thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

- 1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

[Handwritten signatures]

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Diện tích⁽⁹⁾: 171 m², số thửa T318, tờ bản đồ số 13

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 25.650.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: BA385781 (tài sản gắn liền với đất, do Đặng Văn Hiệp và Trần Thị Thanh Nhàn đứng tên đồng sở hữu).

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:.....

- Diện tích:.....

- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....

- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:.....

- Địa chỉ: thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: cấp 4

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 110 m², số thửa T318, tờ bản đồ số 13

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 350.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: BA385781 (tài sản gắn liền với đất, do Đặng Văn Hiệp và Trần Thị Thanh Nhàn đứng tên đồng sở hữu).

- Thông tin khác (nếu có):.....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:.....

- Loại công trình:..... Cấp công trình:.....

- Diện tích:.....

- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....



- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁹⁾:.....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁹⁾:.....

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁹⁾:.....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁹⁾:.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁹⁾:.....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁹⁾:.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

- Tiền gửi cá nhân tại ngân hàng B(DV Chi nhánh Thừa Thiên Huế: số tiền 150.000.000 đồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

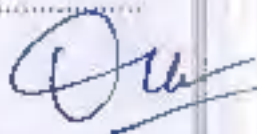
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

20 

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bán ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾,

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 243.600.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 123.600.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các			

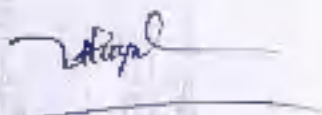
2A 

<p>kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, búp bê, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p> <p>10. Tổng các khoản thu nhập chung</p>		
	243.600.000	Thu nhập từ lương và phụ cấp

Thịy Thanh, ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

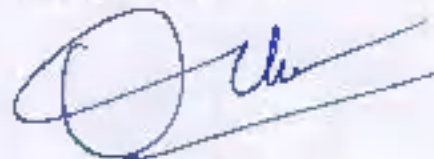


Mạc Đỗ Thùy Nho

Thịy Thanh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đặng Văn Hiệp

Phụ lục I

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 29 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN DUY DŨNG, Ngày tháng năm sinh: 14/7/1966

- Chức vụ/chức danh công tác: Chủ tịch Hội Cựu chiến binh

- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy thanh

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân ⁽³⁾: 046066003713
ngày cấp : 10/5/2021 nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGÔ THỊ THANH, Ngày tháng năm sinh: 03/9/1970

- Nghề nghiệp: Bán tạp hóa

- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046170005771, ngày cấp : 06/5/2021 nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....

- Nơi thường trú:.....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:..... ngày cấp:.....nơi cấp:.....

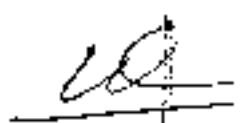
3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN ⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất ⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở ⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:



- Địa chỉ ⁽⁸⁾: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Diện tích ⁽⁹⁾: 182 m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 6.000.000 đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾: Tờ bản đồ số: 306 - Thửa số: 09

Do: Trần Duy Dũng và bà Ngô Thị Thanh đứng tên

- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:.....Địa chỉ:.....

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Loại nhà ⁽¹⁴⁾: Cấp 4

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 104 m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 65.000.000 đ

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Tờ bản đồ số: 306 - Thửa số: 09

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, hàn ghê, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Mai vàng - Năm bắt đầu sở hữu: 2002 - Giá trị: 300.000.000 đ

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾: 136.800.000 đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 122.400.000 đ/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 14.400.000 đ/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, hạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

<p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, hàn ghề, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p>		136.800,000 đ	Lương + phụ cấp + buôn bán
---	--	---------------	-------------------------------

..... ngày..... tháng..... năm 2023
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Thủy Thanh, ngày 29 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Duy Dũng

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 28 tháng 11 năm 2023)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRẦN DUY TIẾN**; Ngày, tháng, năm sinh: 24/4/1982

- Chức vụ/ chức danh công tác: Chủ tịch Hội Nông dân xã

- Cơ quan/ đơn vị công tác: xã Thủy Thanh

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Tuyền, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số Căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân: CCCD 046082007598

Ngày cấp: 15/8/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội-Bộ công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản thu nhập

- Họ và tên: **ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG**; Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1983

- Chức vụ/ chức danh công tác: Công an nhân dân

- Cơ quan/ đơn vị công tác: Công an xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Tuyền, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số Căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân: CCCD 046183009306

Ngày cấp: 15/8/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội-Bộ công an.

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản thu nhập

Con thứ nhất:

- Họ và tên: **TRẦN DẶNG CHÂU ANH**

- Ngày, tháng, năm sinh: 05/3/2019

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Tuyền, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN (5)

1. Quyền sử dụng đất: (Người kê khai tự mô tả các loại đất do bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên có quyền sử dụng toàn bộ hoặc một phần).

a) Đất ở:

- Mạnh thứ nhất: Thửa đất số 136. Tờ bản đồ số 9. Do Trần Duy Tiến và Đặng Thị Hồng Nhung dùng tên

↳ Địa chỉ: thôn Thanh Tuyền, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

↳ Diện tích: 159 m²

↳ Giá trị: 286.200.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: GCN: 00078

- Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

b) Các loại đất khác: (Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên)

- Mảnh thứ nhất: (Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên).

+ Địa chỉ:

+ Diện tích:

+ Giá trị:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

+ Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

+ Địa chỉ tại: thôn Thanh Tuyền, xã Thùy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

+ Loại nhà: cấp 4

+ Diện tích xây dựng: 100m²

+ Giá trị: 500 triệu

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

+ Thông tin khác (nếu có):

2.2. Công trình xây dựng khác(16):

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị (10):

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất(17):

3.1. Cây lâu năm(18):

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị(10):

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị(10):

3.2. Rừng sản xuất(19):

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị(10):

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị(10):

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị(10):

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị(10):

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(20).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(21).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp(22):

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác(23):

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)(24):

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)(25):

- Tên tài sản: Cây cảnh Năm bắt đầu sở hữu: 2010 Giá trị: 300.000.000đ

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài(26).**9. Tài khoản ở nước ngoài(27):**

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28): 270.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 90.000.000đ

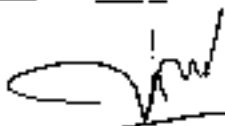
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 180.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0đ

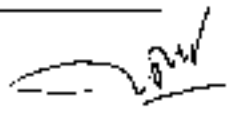
- Tổng các khoản thu nhập chung: 0đ

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29) (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			

20 

<p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p>	<p>Cây cảnh</p> <p>3 000.000.000đ</p>	<p>Nuôi trồng</p>
--	---------------------------------------	-------------------

26 

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .	270.000.000đ	Thu nhập từ lương và phụ cấp
---	--------------	------------------------------

Thịy Thanh, ngày 30 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mai Đức Thủy Nhi
(Văn phòng - Thống kê)

..... ngày 28 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Mai Đức Thủy Nhi



A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỦY THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÃNG NĂM (Ngày 30 tháng 11 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐẶNG THỊ HỒNG ĐIỆP** Năm sinh: 1985
- Chức vụ/ chức danh công tác: Chủ tịch Hội LHPN xã
- Cơ quan/ đơn vị công tác: xã Thủy Thanh
- Hộ khẩu thường trú: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế
- Chỗ ở hiện tại: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN MẠU CHÍNH** Năm sinh: 1984
- Chức vụ/ chức danh công tác: Công nhân
- Cơ quan/ đơn vị công tác: Công ty gạch men Phú Sơn
- Hộ khẩu thường trú: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế
- Chỗ ở hiện tại: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản thu nhập

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN MẠU NHẬT VIỆT**
- Ngày tháng năm sinh: 24/8/2012
- Hộ khẩu thường trú: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế
- Chỗ ở hiện tại: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế

b) Con thứ hai:

- Họ và tên: **NGUYỄN MẠU NHẬT KHOA**
- Ngày tháng năm sinh: 23/4/2014
- Hộ khẩu thường trú: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế
- Chỗ ở hiện tại: Thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, TT Huế

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng đất: (Người kê khai tự mô tả các loại đất do bun thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên có quyền sử dụng toàn bộ hoặc một phần).



a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất: (Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên).
- + Địa chỉ: Kiệt 13, thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh
- + Diện tích: 448,5 m² (trong đó: đất ở 300 m²)
- + Giá trị: 1 tỷ
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: GCN:CS00161, Tờ bản đồ số 2, thửa đất số 253.
- Chủ sở hữu: Nguyễn Mậu Chính và Đặng Thị Hồng Diệp, đất được ba mẹ tặng cho.
- + Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

b) Các loại đất khác: (Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên)

- Mảnh thứ nhất: (Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên).
- + Địa chỉ:
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):
- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

- + Địa chỉ tại: Kiệt 13, thôn Vân Thê Trung, xã Thủy Thanh
- + Loại nhà: cấp 4
- + Diện tích xây dựng: 150m²
- + Giá trị: 600 triệu
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁶⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài

sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾:

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 156.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 96.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0đ


- Tổng các khoản thu nhập chung: 0đ

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

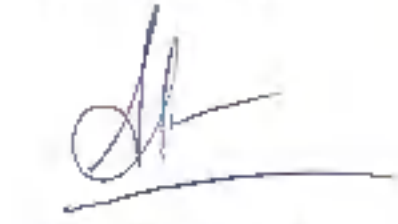
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm			

<p>tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bản gỗ, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
		156.000.000đ	Thu nhập từ lương và phụ cấp

..... ngày 30 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Mai Đỗ Thủy Nhi
 (Văn phòng - Thống kê)

..... ngày 30 tháng 11 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Đặng Thị Hồng Diệp

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 6 tháng 12 năm 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHÙNG HỮU CHINH**; Ngày tháng năm sinh: 20/11/1995
- Chức vụ/chức danh công tác: **Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Thủy Thanh**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **UBND xã Thủy Thanh**
- Nơi thường trú: **xã Thủy Thanh, tx Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(3): **046095016640**
ngày cấp **10/5/2021**; nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc(4):
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp
..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp
..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN(5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất(6):

1.1. Đất ở(7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ(8):
- Diện tích(9):
- Giá trị(10):

Handwritten signatures and initials.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11):
- Thông tin khác (nếu có)(12):
- 1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): **Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.**
- 1.2. Cúc loại đất khác(13):
 - 1.2.1. Thửa thứ nhất:
 - Loại đất:..... Địa chỉ:
 - Diện tích:
 - Giá trị(10):
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): **Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.**
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
 - 2.1. Nhà ở:
 - 2.1.1. Nhà thứ nhất:
 - Địa chỉ:
 - Loại nhà(14):
 - Diện tích sử dụng (15):
 - Giá trị(10):
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.**
 - 2.2. Công trình xây dựng khác(16):
 - 2.2.1. Công trình thứ nhất:
 - Tên công trình:..... Địa chỉ:
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị (10):
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): **Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.**
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất(17):
 - 3.1. Cây lâu năm(18):
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị(10):
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị(10):
 - 3.2. Rừng sản xuất(19):
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị(10):




- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị (10):

3.3. Vật kiến trúc gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị (10):

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị (10):

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(20).

a. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(21).

b. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

b.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

b.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

b.3. Vốn góp(22):

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

b.4. Các loại giấy tờ có giá khác(23):

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký bất động sản, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...(24):

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)(25):

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài(26).

9. Tài khoản ở nước ngoài(27):

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

22 

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28):

- Tổng thu nhập của người kê khai: 66.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29) (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu			



<p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		66 triệu đồng	Thu nhập từ lương + phụ cấp
---	--	---------------	-----------------------------

... ngày 21 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mai Do Thuy Nho
(Văn phòng - Thống kê)

Thị Thanh, ngày 6 tháng 12 năm 2023.

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phuong Hoa Chinh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...⁽¹⁾

(Ngày 27 tháng 11 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Chế Quang Tâm Ngày tháng năm sinh: 01.04.1985
- Chức vụ/chức danh công tác: ĐUV, UVUB, CHI Ban CHQS xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: Văn Thê Trung, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046085008072 ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC và TT-XH

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Hiệp Ngày tháng năm sinh: 20/07/1989
- Nghề nghiệp: Buôn bán
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Văn Thê Trung, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế.
- Nơi thường trú: Văn Thê Trung, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046189011380. ngày cấp 28/6/2021 nơi cấp cục cảnh sát QLHC và TT -XH

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Chế Quang Vĩnh Khang, Ngày tháng năm sinh: 01/05/2016
- Nơi thường trú: Văn Thê Trung, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp: nơi cấp:

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Chế Quang Vĩnh An, Ngày tháng năm sinh: 04/6/2022
- Nơi thường trú: Văn Thê Trung, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Vân Thế Trung, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Diện tích⁽⁹⁾: 290 m

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.000.000.000đ

- Thừa đất số: 04, tờ bản đồ số: 6 do Chế Quang Tâm và Nguyễn Thị Hồng Hiệp đứng tên

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CC467841

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác¹¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị¹¹⁶⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất¹¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm¹¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị¹¹⁸⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị¹¹⁸⁾:

3.2. Rừng sản xuất¹¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị¹¹⁹⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị¹¹⁹⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị¹¹⁹⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị¹¹⁹⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên¹²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên¹²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp¹²²:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác¹²³:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)¹²⁴:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)¹²⁵:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài¹²⁶.

9. Tài khoản ở nước ngoài¹²⁷:

- Tên chủ tài khoản: số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai¹²⁸: 200.000.000

- Tổng thu nhập của người kê khai: 120.000.0000

- Tổng thu nhập của vợ : 80.000.000

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không

- Tổng các khoản thu nhập chung: không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, hạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			

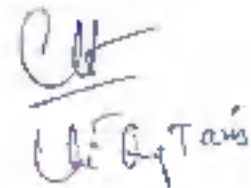
<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽¹²⁾.</p>			<p>200.000.000 - Bản thân : thu nhập từ Lương + phụ cấp</p> <p>- Vợ: thu nhập từ Buôn bán</p>
---	--	--	---

..... ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mai Do Thuy Ni
(Văn phòng - Thống kê)

..... ngày 30 tháng 11 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỦY THANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾

(Ngày 25 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: MAI ĐỖ THỦY NI. Ngày tháng năm sinh: 17/07/1991
- Chức vụ/chức danh công tác: Đảng ủy viên, Công chức Văn phòng - Thống kê xã.
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046191007170; ngày cấp: 10/05/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGÔ QUANG RÍN. Ngày tháng năm sinh: 15/05/1984
- Nghề nghiệp: Cán bộ
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046084005237; ngày cấp: 10/05/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: NGÔ VIỆT QUỐC BẢO. Ngày tháng năm sinh: 28/09/2017
- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: NGÔ MAI THẢO NHIÊN. Ngày tháng năm sinh: 03/01/2020
- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Diện tích⁽⁹⁾: 219,7 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 4 tỷ đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CY 875326; Thửa đất số 1247; Tờ bản đồ số 12;
Chủ sở hữu: Ngô Quang Rin và Mai Đỗ Thùy Ni

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Vân Thê Thượng, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Diện tích⁽⁹⁾: 100,0 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DG 899934; Thửa đất số 828; Tờ bản đồ số 1;
Chủ sở hữu: Ngô Quang Rin và Mai Đỗ Thùy Ni

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà 2 tầng
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 219,7 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1,5 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾,

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Cây cảnh. Năm bắt đầu sở hữu: 2020. Giá trị: 500.000.000 đồng.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 190.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 98.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 92.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy lùi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ</p>	01	400 triệu đồng	Mua (góp vốn để mua)

<p>cung, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		<p>190 triệu đồng</p>	<p>Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp</p>
---	--	-----------------------	---

Thủy Thanh, ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mai-Đỗ Thùy Nhi
(Văn phòng - Thống kê)

Thủy Thanh, ngày 25 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mai-Đỗ Thùy Nhi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỦY THANH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾

(Ngày 25 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

1. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGÔ THỊ THÙY DUNG. Ngày tháng năm sinh: 20/04/1988
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Văn Phòng - Thống kê xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Đập, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046188005642, ngày cấp: 15/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN XUÂN QUANG. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1984
- Nghề nghiệp: Cán bộ
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: UBND thị xã Hương Thủy
- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Đập, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046084000609, ngày cấp: 23/03/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: NGUYỄN XUÂN ANH HÀO. Ngày tháng năm sinh: 31/7/2015
- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Đập, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THÙY DƯƠNG. Ngày tháng năm sinh: 09/02/2018
- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Đập, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Vân Thế Đập, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Diện tích⁽⁹⁾: 174.5 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: tỷ đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: 441751 ; Thừa đất số 67; Tờ bản đồ số 03 ;
Chủ sở hữu: Nguyễn Xuân Quang và Ngô Thị Thùy Dung

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ⁽⁸⁾:

- Diện tích⁽⁹⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:; Thừa đất số:; Tờ bản đồ số:; Chủ
sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Vân Thế Đập, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 4

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: m²
- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 500.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.
- 2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:
- 2.2.1. Công trình thứ nhất:

 - Tên công trình:..... Địa chỉ:
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như công trình thứ nhất.
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:
- 3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- 3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):
- 6.1. Cổ phiếu:

 - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, hân ghê, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Cây cảnh. Năm bắt đầu sở hữu: 2020. Giá trị: 500.000.000 đồng.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 144.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 60.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 84.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:


- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):


Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ</p>			

cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		144 triệu đồng	Từ lương và các khoản phụ cấp

Thủy Thanh, ngày 31 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Hoa Do Thuy Nho
 (Vấn phòng - Thống kê)

Thủy Thanh, ngày 25 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Ngô Gi Ghay Dung

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)**I. THÔNG TIN CHUNG****1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên: LÊ THỊ THU HẠ Ngày 09 tháng 12 năm 1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức TC - KT
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên

Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân ⁽³⁾: 046176007163 ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHCVTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: LÊ VIỆT PHƯỚC Ngày 02 tháng 08 năm 1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Nhân viên
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trung tâm BTĐT cổ đô Huế
- Nơi thường trú: phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên

Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân ⁽³⁾: 046176008417 ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHCVTXH.

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)**3.1 Con thứ nhất:**

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi thường trú:

3.2 Con thứ hai:

- Họ và tên: Lê Khánh Linh
- Ngày, tháng, năm sinh: 25/05/2008
- Nơi thường trú: Phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên

Huế

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân ⁽³⁾: 046308007756 ngày cấp 01/06/2022 nơi cấp Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHCVTXH.

3.3 Con thứ ba:

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi thường trú:

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN ⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất ⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở ⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ ⁽⁸⁾:
- Diện tích ⁽⁹⁾:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:.....Địa chỉ:.....
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ 1: (Địa chỉ tại:26/405 Nguyễn Tất Thành, phường Thủy Dương)

- + Loại nhà: cấp 4. Cấp công trình
- + Diện tích xây dựng: 122.5m²
- + Giá trị: 500.000.000đ
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu: PH 734695
- + Thông tin khác (nếu có):

- Nhà thứ 2 (Trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất

2.2 Công trlwh xây dựng khác⁽¹⁶⁾: KHÔNG

- Tên công trình:Địa chỉ:.....
- Loại công trình:Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

Handwritten signature and mark

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (Trở lên): Kể khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....
- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....
- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....
- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (liền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....
- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....
- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (lầu bay, lầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....
- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

Handwritten signature and mark

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾:

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾: 176.050.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 84.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 92.050.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:


Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu			

Chau

<p>6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p>		<p>176.050.000 đồng</p>	<p>Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp khác</p>
--	--	-------------------------	--

..... ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BAN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Mai Đỗ Thúy Nga
(Văn phòng - Thống kê)

..... ngày 01 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thị Thu Hà

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Thị Minh Thắm Ngày tháng năm sinh: 24/07/1982

- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Tài Chính Kế Toán.

- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh.

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân ⁽³⁾: 046182012434 ngày cấp 11/11/2021 nơi cấp Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHCVTTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Hoàng Kim Long Ngày tháng năm sinh: 20/11/1981

- Nghề nghiệp: Tự do

- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046081006494 ngày cấp 02/10/2021 nơi cấp Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHCVTTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Hoàng Trần Minh Trang Ngày tháng năm sinh: 28/03/2008.

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Hoàng Trần Ngọc Minh Ngày tháng năm sinh: 07/12/2010.

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.3. Con thứ ba:

- Họ và tên: Hoàng Trần Khánh Ngân Ngày tháng năm sinh: 24/11/2019.

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Thủy, xã Thủy Thanh, thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN ⁽⁵⁾1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất ⁽⁶⁾:1.1. Đất ở ⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ ⁽⁸⁾:

- Diện tích ⁽⁹⁾:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾:

- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:.....Địa chỉ:.....

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:.....

- Loại nhà ⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:2.2.1. Công trình thứ nhất: *ru*

- Tên công trình: Địa chỉ:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾;

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾;

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾;

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾;

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾.

u

th

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bán ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nội mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾: 182.420.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 86.420.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 96.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

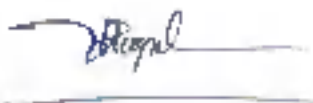
2/2

<p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bán ghê, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p>			
		182.420.000	Thu nhập từ lương và phụ cấp

..... ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mạc Đỗ Thùy Nhi

(Văn phòng - Thống kê)

..... ngày 01 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Minh Thắm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỦY THANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾

(Ngày 25 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGÔ QUANG RIN.** Ngày tháng năm sinh: 15/05/1984

- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh

- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046084005237, ngày cấp: 10/05/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **MAI ĐỖ THỦY NÌ.** Ngày tháng năm sinh: 17/07/1991

- Nghề nghiệp: Cán bộ

- Nơi làm việc⁽⁴⁾: UBND xã Thủy Thanh

- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046191007170, ngày cấp: 10/05/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGÔ VIỆT QUỐC BẢO.** Ngày tháng năm sinh: 28/09/2017

- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trú lên):

- Họ và tên: **NGÔ MAI THẢO NHIÊN.** Ngày tháng năm sinh: 03/01/2020

- Nơi thường trú: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Sổ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Diện tích⁽⁹⁾: 219,7 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 4 tỷ đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Cy 875326; Thửa đất số 1247; Tờ bản đồ số 12;
Chủ sở hữu: Ngô Quang Rin và Mai Đỗ Thùy Ni

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Vân Thê Thượng, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Diện tích⁽⁹⁾: 100,0 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DG 899934; Thửa đất số 828; Tờ bản đồ số 1;
Chủ sở hữu: Ngô Quang Rin và Mai Đỗ Thùy Ni

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Lang Xá Cồn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.



- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà 2 tầng
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 219,7 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1,5 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:



- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bản gỗ, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Cây cảnh, Năm bắt đầu sở hữu: 2020. Giá trị: 500.000.000 đồng.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 190.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 92.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 98.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy đi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ</p>	01	400 triệu đồng	Mua (góp vốn để mua)

cung, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		190 triệu đồng	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp

Thịy Thanh, ngày 21 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Đức Thống

(Vice phòng - Thống kê)

Thịy Thanh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quý Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỦY THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 30 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TÔNG VĂN LỘC, Ngày tháng năm sinh: 18/01/1995
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Địa chính NN - XD & MT
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: Tổ 2, phường Thủy Dương, TX Hương Thủy, TT Huế
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046095005411, ngày cấp :17/9/2021, nơi cấp : Cục cảnh sát QLHC về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:.....
- Nghề nghiệp:.....
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:.....
- Nơi thường trú:.....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp.....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:.....
- Nơi thường trú:.....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:.....Địa chỉ:.....
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:.....
- Loại nhà ⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:
- Địa chỉ:.....
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

4. Vàng, kim cương, hạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khal theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²³⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²¹⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....



7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾:

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 80 triệu đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):.....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:.....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các			

<p>loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p>		+80 Triệu	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp
---	--	-----------	--

..... ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mai Đỗ Thủy Nhi
(Văn phòng - Thống kê)

..... ngày 25 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Tống Văn Lộc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 31 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THI NHUNG, Ngày tháng năm sinh: 10/12/1973
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Văn hóa - Xã hội
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh
- Nơi thường trú: thôn Thanh Tuyền, xã Thủy Thanh, tx. Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046173009844, ngày cấp 28/6/2021 nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN DUY ĐỨC, Ngày tháng năm sinh: 27/7/1971
- Nghề nghiệp: Nhân viên
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty Cây xanh Thừa Thiên Huế.
- Nơi thường trú: thôn Thanh Tuyền, xã Thủy Thanh, tx. Hương Thủy, t. Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:, ngày cấp .../.../2021 nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:, Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên:, Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Thanh Tuyền, xã Thủy Thanh, tx. Hương Thủy, t. Thừa Thiên Huế
- Diện tích⁽⁹⁾: 80,0m²

vu *2A*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 160.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Thanh Tuyên, xã Thủy Thanh, tx. Hương Thủy, t. Thừa Thiên Huế
- Diện tích⁽⁹⁾: 80,0m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 160.000.000 đồng

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Thanh Tuyên, xã Thủy Thanh, tx. Hương Thủy, t. Thừa Thiên Huế
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà cấp III.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 800.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁹⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Tiền gửi: 150.000.000 đồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy tải, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bản gỗ, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Cây cảnh. Năm bắt đầu sở hữu:

- Tên tài sản: Bản gỗ. Năm bắt đầu sở hữu:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾:

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:..... số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

Handwritten signature and initials

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 106.100.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 136.500.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung: 188.100.000 đồng.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			

Handwritten signature

Handwritten number 26

<p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
---	--	--	--

..... ngày 31 tháng 12 năm 2023

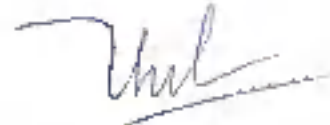
NGƯỜI NHẬN BAN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Hoa Đỗ Thủy Nhi
(Văn phòng - Thống kê)

Thủy Thanh, ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỦY THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 25 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Được**; Ngày, tháng, năm sinh: 12/01/1993

- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Văn hóa – xã hội xã Thủy Thanh

- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thủy Thanh

- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Nam, xã Thủy Thanh, tx Hương Thủy, tỉnh TT Huế

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046093007867;
ngày cấp: 05/12/2021; nơi cấp: Công an Thừa Thiên Huế.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lê Thị Diệu Minh**; ngày, tháng, năm sinh: 24/9/1992

- Nghề nghiệp: Giáo viên

- Nơi làm việc: Trường Mầm non Thủy Thanh I

- Nơi thường trú: Phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 046192008028;
ngày cấp 11/11/2021; nơi cấp: Công an tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Trung Tín**; Ngày tháng năm sinh: 04/12/2019.

- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Nam, xã Thủy Thanh, tx Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Thành Nhân**; Ngày, tháng, năm sinh: 18/02/2023

- Nơi thường trú: Thôn Vân Thê Nam, xã Thủy Thanh, tx Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN ⁽³⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất ⁽³⁾:

1.1. Đất ở ⁽³⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

Handwritten signatures and initials.

- Địa chỉ ⁽⁸⁾:
 - Diện tích ⁽⁹⁾:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾:
 - Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:
- 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
- 1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:
- 1.2.1. Thừa thứ nhất:
- Loại đất:.....Địa chỉ:.....
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất:
- Địa chỉ:.....
 - Loại nhà ⁽¹⁴⁾:
 - Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
- 2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:
- 2.2.1. Công trình thứ nhất:
- Tên công trình:
 - Địa chỉ:.....
 - Loại công trình:
 - Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 72 TRIỆU

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):72 TRIỆU

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:.....

III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vớu góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu			

th *Danh*

<p>6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bản gỗ, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p>		+144 Triệu	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp
---	--	------------	--

..... ngày 30 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Mạc Đỗ Thùy Nhi
(Văn phòng - Thống kê)

Thái Thanh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Đức

Phụ lục I

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 29 tháng 12 năm 2023) ⁽²⁾

L THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đặng Thị Hồng Thúy Ngày tháng năm sinh: 15/01/1984
- Chức vụ/chức danh công tác: CC Tư pháp – Hộ tịch
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Thùy Thanh
- Nơi thường trú: Thùy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế
- Số căn cước công dân số: 046184008580, ngày cấp : 15/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Tô Hữu Thắng, Ngày tháng năm sinh: 28/7/1975. Nghề nghiệp: Lao động tự do
- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: 163 Nguyễn Lộ Trạch, Xuân Phú, Huế, Thừa Thiên Huế
- Nơi thường trú: 163 Nguyễn Lộ Trạch, Xuân Phú, Huế, Thừa Thiên Huế
- Số CMND : 191344060 ngày cấp 06/01/2016, nơi cấp : Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Tô Nữ Minh Thi ; Ngày tháng năm sinh: 10/6/2009
- Nơi thường trú: 66/6 Lê Lợi, Phú Hội, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp.....nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Tô Nữ Minh Thu ; Ngày tháng năm sinh: 15/01/2012
- Nơi thường trú: 66/6 Lê Lợi, Phú Hội, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế

3.3. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Tô Tuệ Mẫn ; Ngày tháng năm sinh: 23/02/2019
- Nơi thường trú: 66/6 Lê Lợi, Phú Hội, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế



II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN ⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất ⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở ⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ ⁽⁸⁾: thôn Mong A, xã Phú Gia, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Diện tích ⁽⁹⁾: 128.2 m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 700 triệu

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾: DG 899192

- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ: phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Diện tích: 750m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 500 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Nhà chung cư

- Địa chỉ: Khu Chung cư Aranya, Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Loại nhà ⁽¹⁴⁾: Căn bộ chung cư

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 55m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 950.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:Địa chỉ:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kế khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....
- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....
- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 100.000.000

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):200.000.000

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không

- Tổng các khoản thu nhập chung:100.000.000

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:


Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất	+ 01		Nhận chuyển nhượng QSDĐ

Th

<p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, hàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾</p>			<p>(từ lương, các khoản phụ cấp và kinh doanh)</p> <p>400.000.000</p>
--	--	--	---


..... ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Hoa Đỗ Thùy Nhi
 (Văn phòng - Tổng Lê)

..... ngày 29 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)


 Đặng Thị Hồng Nhung

BẢN KẾ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU⁽¹⁾
(Ngày 30 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Quang Tân. Ngày tháng năm sinh: 23/03/1997.
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức tư pháp – Hộ tịch.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy Ban Nhân Dân xã Thủy Thanh.
- Nơi thường trú: 100a Dương Thiệu Tước, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 046097005294, ngày cấp: 09/05/2021, nơi cấp: Cục CSQHCVTTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:.....
- Nghề nghiệp:.....
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:.....
- Nơi thường trú:.....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp.....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:.....
- Nơi thường trú:.....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.


II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất: thửa đất số: 365, tờ bản đồ số: 5.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: phường Thủy Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Diện tích⁽⁹⁾: 135 m² (Một trăm ha mươi lăm mét vuông).

ATN 

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 600.000.000 VNĐ (Sáu trăm triệu đồng chẵn).
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾: CG272055.
 - Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:
- 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
- 1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:
- 1.2.1. Thừa thứ nhất:
- Loại đất:.....Địa chỉ:.....
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất:
- Địa chỉ:.....
 - Loại nhà ⁽¹⁴⁾:
 - Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
- 2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:
- 2.2.1. Công trình thứ nhất:
- Tên công trình:Địa chỉ:.....
 - Loại công trình:Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:
- 3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

AQU?

2/2

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khắc có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):.....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:.....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:

Loại tài sản, tho nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các			

2h

4a1

<p>loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p>			
---	--	--	--

..... ngày 31... tháng 12... năm 2023 Thủy Thuần ngày 30... tháng 12... năm 2023

NGƯỜI NHẬN BAN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Mai Đức Thủy Nhi
(Văn phòng - Thống kê)



Nguyễn Quang Tân